

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN QUYÊN

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH
CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã ngành: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình đã được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NINH THỊ THU THỦY

Phản biện 1: TS. LÊ BẢO

Phản biện 2: TS. TUYẾT HOA NIÊ KDAM

Luận văn được bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07 tháng 02 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ một tỉnh nông nghiệp là chính, trong những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã được Đảng và Chính phủ định hướng trong quy hoạch phát triển xã hội đến năm 2020 trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng Tây Nguyên. Trong đó, công nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước (NSNN), giải quyết công ăn việc làm...

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk chưa phát huy hết tiềm năng, vẫn còn tồn tại nhiều bất cập và hạn chế làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển công nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung.

Để có cái nhìn cụ thể hơn về thực trạng phát triển, hiệu quả thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, qua đó đề xuất những chính sách, giải pháp thu hút vốn đầu tư, tôi xin chọn nghiên cứu đề tài: ***“Thu hút vốn đầu tư vào ngành Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk”*** cho luận văn của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về vốn đầu tư và thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp.

- Phân tích, đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2008 - 2013.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng và các biện pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp.

+ Về thời gian: Đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2008 - 2013.

+ Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thực chứng, phân tích chuẩn tắc, thống kê mô tả và thống kê phân tích.

- Nguồn số liệu sử dụng trong đề tài: Kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó, niên giám thống kê, các báo cáo, internet...

5. Ý nghĩa khoa học của đề tài

- Hệ thống hóa và làm rõ lý luận cơ bản về bản chất, nội dung, vai trò của vốn đầu tư đối với phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Lắk nói riêng trong quá trình CNH - HĐH.

- Phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2008 - 2013.

- Xây dựng các quan điểm phương hướng và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp phù hợp với tình hình cụ thể của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2008 - 2013.

6. Kết cấu của đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp.

Chương 2: Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ VỐN ĐẦU TƯ VÀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ

1.1.1. Một số khái niệm

a. Khái niệm đầu tư

Tại Khoản 1 Điều 3 Luật Đầu tư (2005): “*Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các loại hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan*” [21].

b. Khái niệm vốn đầu tư

Vốn đầu tư là tiền tích lũy của xã hội, của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tiền tiết kiệm của dân cư và vốn huy động từ các nguồn vốn khác đưa vào sử dụng trong quá trình tái sản xuất xã hội nhằm duy trì và tạo năng lực mới nền kinh tế - xã hội [12].

c. Khái niệm thu hút vốn đầu tư

Thu hút vốn đầu tư là hoạt động nhằm khai thác, huy động các nguồn vốn đầu tư để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển kinh tế. Bao gồm tổng hợp các cơ chế, chính sách, thông qua các điều kiện về hành lang pháp lý, kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các

nguồn tài nguyên nhằm thu hút các nhà đầu tư vốn, khoa học công nghệ... để sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu nhất định.

d. Khái niệm công nghiệp

Công nghiệp là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được “chế tạo, chế biến” cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ công nghệ, khoa học và kỹ thuật.

1.1.2. Các loại vốn đầu tư

a. Vốn đầu tư trong nước

- Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước

- Nguồn vốn đầu tư của các DN
- Tiết kiệm của khu vực dân cư

b. Vốn đầu tư ngoài nước

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
- Viện trợ phát triển chính thức (ODA)
- Viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO)

1.1.3. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư

- Tính chất hai giai đoạn của quá trình sản xuất.
- Sản xuất công nghiệp có khả năng thực hiện chuyên môn hóa sản xuất sâu và hợp tác hóa sản xuất rộng.
- Sản xuất công nghiệp có xu hướng phân bố ngày càng tập trung cao độ theo lãnh thổ.

1.1.4. Ý nghĩa của thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp

- Góp phần tăng trưởng kinh tế.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Góp phần tăng cường khoa học kỹ thuật, trình độ kinh doanh.

- Góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương.
- Góp phần tăng nguồn thu cho NSNN.

1.2. NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU PHẢN ẢNH KẾT QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Nội dung thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp

a. Quảng bá hình ảnh công nghiệp

Hình ảnh công nghiệp ở địa phương là sự tổng hợp những niềm tin, ý tưởng và ấn tượng mà người ta có về công nghiệp ở địa phương. Nó tiêu biểu cho sự đơn giản hóa phần lớn những liên hệ và các mẫu thông tin gắn liền với công nghiệp ở địa phương.

Hoạt động quảng bá công nghiệp khi được chú ý lồng ghép sẽ làm cho hình ảnh địa phương trở nên quen thuộc với mọi người.

b. Xúc tiến đầu tư

Xúc tiến đầu tư là các biện pháp để giới thiệu, quảng cáo cơ hội đầu tư với bên ngoài. Các cơ quan xúc tiến đầu tư địa phương thường tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát ở các địa phương khác và nước ngoài; tham gia, tổ chức các hội thảo khoa học, diễn đàn đầu tư...

Hoạt động xúc tiến đầu tư công nghiệp phải được tiến hành đồng bộ với hoạt động quảng bá hình ảnh địa phương mới có hiệu quả.

c. Hỗ trợ đầu tư

Hoạt động hỗ trợ đầu tư là các hoạt động cần thiết và tiếp theo các bước trên. Các mức ưu đãi tài chính - tiền tệ dành cho vốn đầu tư trước hết phải đảm bảo cho các chủ đầu tư tìm kiếm được lợi nhuận cao nhất trong điều kiện kinh doanh chung của khu vực, của mỗi nước; đồng thời nó còn khuyến khích họ đầu tư vào những nơi mà Chính phủ muốn khuyến khích đầu tư.

d. Cải thiện môi trường đầu tư

Môi trường đầu tư được cải thiện rõ nhất thông qua kết quả điều tra về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Chỉ số PCI cung cấp những thông tin hữu ích cho lãnh đạo các tỉnh, thành, giúp họ xác định được lĩnh vực và cách thức điều hành kinh tế hiệu quả nhất.

e. Phát triển cơ sở hạ tầng

Hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của mọi nền kinh tế, vì nó đảm bảo vận tải nhanh chóng với chi phí thấp, đảm bảo các quan hệ liên lạc thông suốt kịp thời, cung cấp đủ điện nước cho toàn bộ hoạt động của nền kinh tế... Đặc biệt, sự phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế luôn là điều kiện vật chất hàng đầu để các chủ đầu tư có thể nhanh chóng đưa ra các quyết định và triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã cam kết.

f. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao là điều kiện rất quan trọng để các địa phương vượt qua được những hạn chế về tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư. Vì vậy, các địa phương muốn thu hút vốn đầu tư cần phải xác định nhu cầu và phân loại đối tượng lao động để có thể cung cấp nguồn lao động kịp thời, đầy đủ, đảm bảo hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.

1.2.2. Những chỉ tiêu phản ánh kết quả thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp

a. Số lượng dự án đầu tư được thu hút

Số lượng dự án đầu tư được thu hút là số dự án mà nhà đầu tư đồng ý bỏ vốn ra kinh doanh tại địa phương và được địa phương chấp thuận cấp phép. Để tăng số lượng dự án đầu tư đòi hỏi phải thu hút được nhiều nhà đầu tư có tiềm lực bỏ vốn đầu tư vào lĩnh vực mà địa phương quan tâm.

b. Quy mô vốn đầu tư được thu hút

Quy mô vốn đầu tư được thu hút là lượng vốn được phân bổ cho một dự án đầu tư được quy đổi giá trị bằng tiền. Quy mô vốn đầu tư có thể cho ta thấy được dự án đầu tư đó là lớn hay nhỏ, có ảnh hưởng rộng hay hẹp... đến lĩnh vực cần thu hút.

c. Lĩnh vực thu hút vốn đầu tư

Việc xác định đúng các lĩnh vực công nghiệp cần thu hút sẽ đảm bảo cho địa phương phát triển đúng hướng, phù hợp với các mục tiêu của địa phương và mục tiêu phát triển của quốc gia, phát huy được những lợi thế so sánh của địa phương.

d. Nguồn thu hút vốn đầu tư

Nguồn thu hút vốn đầu tư là nguồn gốc sở hữu của vốn đầu tư theo loại hình kinh tế, lãnh thổ kinh tế. Nó thể hiện tính đa dạng của chủ sở hữu vốn đầu tư và mức độ năng động của việc thu hút vốn đầu tư, cần được chú ý khi xây dựng chiến lược phát triển kinh tế và chính sách thu hút vốn đầu tư.

e. Vốn đầu tư thực hiện

Vốn đầu tư thực hiện là số vốn thực tế nhà đầu tư đã chi ra (đã giải ngân) để thực hiện mục đích đầu tư. Mức độ giải ngân vốn đầu tư phụ thuộc vào tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Những địa phương có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản phong phú, lao động dồi dào... sẽ giúp tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển,

dễ dàng mở rộng ra các thị trường xung quanh, khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực, tăng khả năng thu hút vốn đầu tư nhiều hơn.

1.3.2. Điều kiện kinh tế

Tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố như: chính sách phát triển kinh tế đúng đắn, phù hợp với thực tiễn; năng lực quản lý của chính quyền; kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; nguồn nhân lực dồi dào, có chất lượng cao... Nhìn vào kết quả này các nhà đầu tư sẽ có niềm tin khi quyết định đầu tư vào một địa phương, lĩnh vực cụ thể.

1.3.3. Điều kiện chính trị - xã hội

a. Sự ổn định về chính trị - xã hội

Đường lối lãnh đạo hiệu quả và uy tín của Nhà nước tạo nên sự ổn định chính trị - xã hội, là yếu tố quan trọng làm an lòng chủ đầu tư. Đây là điều kiện tiên quyết nhằm giảm thiểu những rủi ro của vốn đầu tư vượt khỏi tầm kiểm soát của chủ đầu tư. Những bất ổn định chính trị - xã hội không chỉ làm cho dòng vốn này bị chững lại, thu hẹp mà còn làm cho dòng vốn chảy ngược ra ngoài, tìm đến những nơi mới an toàn và hấp dẫn hơn.

b. Nguồn nhân lực chất lượng

Nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút vốn đầu tư. Nếu một địa phương có nguồn nhân lực được đào tạo với tay nghề kỹ thuật cao, đủ khả năng để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh thì quốc gia đó sẽ có vị thế cạnh tranh hơn các địa phương khác.

c. Thủ tục hành chính

Lực cản lớn làm nản lòng các nhà đầu tư là thủ tục hành chính rườm rà, phiền phức gây tốn kém về thời gian và chi phí, làm mất cơ hội đầu tư. Bộ máy hành chính hiệu quả quyết định sự thành công không chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài mà còn của toàn bộ quy

trình huy động, sử dụng vốn đầu tư phát triển của mỗi quốc gia cũng như của mỗi địa phương.

1.4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1.4.1. Kinh nghiệm của tỉnh Đồng Nai

1.4.2. Kinh nghiệm của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

1.4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Đắk Lắk

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp

- **Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành công nghiệp:** Ngành công nghiệp chế biến là ngành sản xuất chủ yếu, năm 2008 giá trị sản xuất ngành đạt 4.350 tỷ đồng thì đến năm 2013 đạt 8.310 tỷ đồng, tăng 3.960 tỷ đồng so với năm 2008, với tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn là 13,82%. Ngược lại, giá trị sản xuất ngành công nghiệp khai thác thấp, năm 2013 chỉ đạt 325 tỷ đồng.

- **Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo loại hình kinh tế:** Giai đoạn 2008 - 2013, khu vực kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước là hai khu vực có giá trị sản xuất cao nhất. Nếu năm 2008 giá trị sản xuất

công nghiệp khu vực Nhà nước đạt 842 tỷ đồng, khu vực ngoài Nhà nước đạt 4.396 tỷ đồng thì năm 2013 giá trị sản xuất công nghiệp khu vực Nhà nước đạt 2.537 tỷ đồng, ngoài Nhà nước đạt 7.705 tỷ đồng.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

- **Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo ngành công nghiệp:** Trong cơ cấu ngành công nghiệp, công nghiệp khai thác chiếm tỷ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm dần từ 5,7% năm 2008 xuống còn 3,08% năm 2013; công nghiệp chế biến mặc dù tỷ trọng có xu hướng giảm xuống nhưng vẫn là ngành có vai trò quan trọng nhất, chiếm trên 70% tỷ trọng ngành công nghiệp toàn tỉnh.

- **Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo thành phần kinh tế:** Tỷ trọng khu vực Nhà nước và đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng còn khu vực ngoài Nhà nước có xu hướng giảm. Tuy nhiên, khu vực ngoài Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn, năm 2008 chiếm 83,37% đến năm 2013 còn 72,97%; tỷ trọng khu vực đầu tư nước ngoài chỉ chiếm 0,66% năm 2008 và tăng lên 3,08% năm 2013.

2.2.3. Tình hình phát triển các KCN, CCN

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã công bố quy hoạch 1 KCN, 15 CCN. Trong đó, 8 CCN vừa xây dựng hạ tầng vừa hoạt động. Tổng doanh thu năm 2013 ước tính 5.100 tỷ đồng, giảm 21,3% so với năm 2012. Tổng số lao động hiện có khoảng 4.720 lao động. Thu nhập bình quân đạt khoảng 3,7 triệu đồng/người/tháng.

2.3. THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Hoạt động quảng bá hình ảnh công nghiệp

Trong những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã chú trọng thực hiện các hoạt động quảng bá hình ảnh công nghiệp như: phối hợp với cơ quan

thông tấn báo chí, thông báo trên các website của tỉnh, trung tâm xúc tiến cũng như tăng cường mối quan hệ với các địa phương lân cận...

Tuy nhiên, hoạt động quảng bá hình ảnh công nghiệp của tỉnh vẫn còn những hạn chế như chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước hay các hình thức quảng bá chưa hấp dẫn, năng lực cán bộ trong lĩnh vực liên quan chưa cao...

2.3.2. Hoạt động xúc tiến đầu tư

Cùng với hoạt động quảng bá hình ảnh công nghiệp, tỉnh Đắk Lắk cũng tham gia nhiều hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư, thành lập các đoàn liên ngành đi mời gọi đầu tư, tỉnh cũng bố trí thời gian hàng tuần để tiếp các DN, nhà đầu tư. Bên cạnh đó, hoạt động xúc tiến đầu tư vẫn chưa thực sự hiệu quả, chưa có chính sách cụ thể, rõ ràng cho từng nguồn vốn, thực trạng quy hoạch trên địa bàn tỉnh trước đây không còn phù hợp với thực tế kêu gọi đầu tư nữa...

2.3.3. Hoạt động hỗ trợ đầu tư

➤ Chính sách tín dụng

Nhà đầu tư được ưu tiên vay vốn theo quy định của Quỹ đầu tư phát triển nếu đáp ứng đủ các điều kiện với tổng số tiền hỗ trợ không quá một tỷ đồng cho mỗi dự án. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có nhà đầu tư nào trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ chính sách tín dụng theo Nghị Quyết số 27/2011/NQ-HĐND.

➤ Về đào tạo lao động

Các nhà đầu tư nếu không thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực quy định tại Nghị định 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ thì được hỗ trợ theo Quyết định số 27/2011/NQ-HĐND ngày 22/12/2011 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.

➤ Về kết cấu hạ tầng

- Đối với dự án bên trong KCN, CCN: Được hỗ trợ ngân sách địa phương cho một số hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng; xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung, xây dựng đường trục chính, hệ thống công, tường rào bao quanh CCN, chi phí rà phá bom mìn.

- Đối với dự án bên ngoài KCN, CCN: Được hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông đến hàng rào của dự án.

➤ *Cải cách thủ tục hành chính*

Trong thời gian qua, để tiến hành cải cách thủ tục hành chính, tỉnh đã ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 13/02/2012, Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND ngày 04/12/2012, triển khai mở rộng hệ thống quản lý hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Tuy nhiên, hoạt động cải cách thủ tục hành chính của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: các hoạt động tiến hành còn chậm, chưa đi sâu, việc hướng dẫn thủ tục hành chính chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, hiệu suất làm việc chưa cao.

2.3.4. Hoạt động cải thiện môi trường đầu tư

Nhìn chung chỉ số PCI giai đoạn 2008 - 2013 của tỉnh Đắk Lắk vẫn còn thấp. Đặc biệt năm 2011, chỉ số PCI của tỉnh đã tụt xuống ở mức đáng báo động, đứng thứ 58/63 tỉnh thành. Đến năm 2012, chỉ số PCI của tỉnh đã tăng bậc đáng kể trong bảng xếp hạng, đứng thứ 36 trong cả nước. Mặc dù, năm 2013 chỉ số PCI của tỉnh đạt 57,13 điểm nhưng lại tụt 2 bậc, đứng thứ 38.

Bảng 2.9 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Đắk Lắk giai đoạn năm 2008 - 2013

Năm	Điểm tổng hợp	Kết quả xếp loại	Nhóm điều hành
2008	53,33	33	Trung bình
2009	57,37	38	Trung bình

2010	57,2	38	Trung bình
2011	53,46	58	Yếu
2012	55,94	36	Trung bình
2013	57,13	38	Trung bình

(Nguồn: Báo cáo của phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)

2.3.5. Hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng

➤ *Mạng lưới giao thông*

- *Đường bộ*: Hệ thống giao thông đường bộ của tỉnh phân bố khá đều và hợp lý, phần lớn đã được nhựa hóa và bê tông hóa.

- *Đường hàng không*: Đến nay cảng hàng không Buôn Ma Thuột có công suất 1 triệu khách/năm đã được đầu tư xây dựng xong, các loại máy bay Airbus 320 đến 321 và tương đương cất hạ cánh được.

- *Đường sắt*: Hiện đang quy hoạch tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuột có tổng chiều dài 160 km.

➤ *Thông tin và truyền thông*

- *Hoạt động phát thanh, truyền hình*: Hiện nay, tỷ lệ phủ sóng phát thanh tương tự mặt đất đạt 100% và phủ sóng truyền hình tương tự mặt đất đạt 98% hộ dân trên toàn tỉnh.

- *Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin*: Trong các cơ quan nhà nước, đoàn thể có cán bộ sử dụng máy tính làm việc đạt 80%. Tỷ lệ các cơ quan có mạng LAN đạt 92,3%, có kết nối Internet 97,4%.

➤ *Phát triển và quản lý đô thị*

Thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk đã tập trung cải tạo, hoàn thiện hạ tầng đô thị, góp phần làm thay đổi đáng kể diện mạo chung của tỉnh. Tuy nhiên, việc thu hút các nguồn vốn và khai thác mọi nguồn lực vào phát triển đô thị còn hạn chế; công tác quy hoạch, quản lý đô thị chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội...

2.3.6. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực

Bảng 2.11 Cơ cấu chất lượng lao động ngành công nghiệp

Trình độ chuyên môn	Năm 2009		Năm 2012	
	Lao động (1000 Người)	Cơ cấu (%)	Lao động (1000 Người)	Cơ cấu (%)
Tổng số	37.392	100	48.526	100
- Đại học và trên đại học	923	2,47	1.441	2,97
- Cao đẳng	1.709	4,57	3.052	6,29
- Trung cấp	2.109	5,64	3.819	7,87
- Sơ cấp	2.588	6,92	4.256	8,77
- Chưa qua đào tạo	30.063	80,4	35.958	74,1

(Nguồn: Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)

Mặc dù tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng dần qua các năm (trình độ đào tạo đại học và trên đại học tăng từ 2,47% năm 2009 lên 2,97% năm 2012; cao đẳng tăng từ 4,57% lên 6,29%, trung cấp từ 5,64% lên 7,87 và sơ cấp từ 6,92% lên 8,77%) nhưng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với lao động toàn ngành, trong khi đó tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm hơn 75%.

2.4. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

2.4.1. Những kết quả đạt được

a. Số lượng dự án đầu tư được thu hút

Nhìn chung, số dự án đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh chưa có bước đột phá. Nếu năm 2008 ngành công nghiệp thu hút được 51 dự án thì năm 2013 thu hút được 68 dự án. Trong đó, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước là ngành có số dự án đầu tư cao nhất,

chiếm 168 dự án trong 385 dự án đầu tư vào ngành công nghiệp giai đoạn 2008-2013; ngành công nghiệp khai thác chỉ có 61 dự án đầu tư.

Bảng 2.13 Số lượng dự án đầu tư theo lĩnh vực của ngành công nghiệp giai đoạn 2008 - 2013

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số dự án	51	74	67	56	69	68
- Công nghiệp khai thác	7	14	12	7	10	11
- Công nghiệp chế biến	20	26	28	24	29	29
- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	24	34	27	25	30	28

(Nguồn: Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)

b. Quy mô vốn đầu tư được thu hút

Quy mô vốn đầu tư được thu hút vào ngành công nghiệp tăng dần qua các năm. Nếu năm 2008 quy mô bình quân của một dự án đầu tư là 54,2 tỷ đồng/dự án, đến năm 2013 tăng lên 57,76 tỷ đồng/dự án, tăng 3,56 tỷ đồng/dự án so với năm 2008. Tuy nhiên, nhìn chung quy mô các dự án này vẫn còn thấp và thiếu bền vững.

Bảng 2.14 Quy mô vốn đầu tư được thu hút vào ngành công nghiệp giai đoạn 2008 - 2013

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Số dự án đầu tư thu hút	51	74	67	56	69	68
Số vốn đầu tư được thu hút (Tỷ đồng)	2.763,9	4.120,1	3.707,8	3.312,6	3.813,5	3.927,6
Quy mô dự án (Tỷ đồng/dự án)	54,2	55,68	55,34	59,15	55,27	57,76

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)

c. Lĩnh vực thu hút vốn đầu tư

Bảng 2.15 Thu hút vốn đầu tư theo lĩnh vực giai đoạn 2008- 2013*Đvt: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số	2.763,9	4.120,1	3.707,8	3.312,6	3.813,5	3.927,6
- CN khai khoáng	227,3	331	305,9	273,2	340,4	352,3
- CN chế biến	1.196,7	1.815,5	1.690,2	1.476,5	1.689,3	1.790,6
- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	1.339,9	1.973,6	1.711,7	1.562,9	1.783,8	1.784,7

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)

- Công nghiệp khai khoáng: Đây là ngành thu hút được ít vốn đầu tư nhất. Năm 2008 vốn đầu tư vào ngành này là 227,3 tỷ đồng thì đến năm 2013 đạt 352,3 tỷ đồng, tăng 125 tỷ đồng so với năm 2008.

- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước: Đây là ngành thu hút được nhiều vốn đầu tư nhất, trong 6 năm qua đã thu hút được 10.156,6 tỷ đồng tương ứng với 46,92%.

d. Nguồn thu hút vốn đầu tư**Bảng 2.16 Vốn đầu tư ngành công nghiệp giai đoạn 2008 - 2013***Đvt: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số	2.763,9	4.120,1	3.707,8	3.312,6	3.813,5	3.927,6
1. Vốn khu vực Nhà nước	1.023,2	1.495,2	1.234,7	1.176	1.137,3	1.090,6
- Vốn NSNN	320,3	402,1	467,2	306,3	384,3	298,5
- Vốn tự có của DNNN	397,3	590,7	471,2	455,2	235,7	251,7
- Vốn vay và huy động khác	305,6	502,4	296,3	414,5	517,3	540,4
2. Vốn khu vực ngoài	1.630,9	2.624,9	2.473,1	2.136,6	2.171,7	2.240,2

Nhà nước						
- Vốn của DN ngoài quốc doanh	586,6	950,5	875	660,8	701,4	657
- Tiết kiệm của dân cư	1.044,3	1.674,4	1.598,1	1.475,8	1.470,3	1.583,2
3. Vốn ngoài nước	109,8	-	-	-	504,5	596,8
- Vốn FDI	109,8	-	-	-	504,5	596,8

(Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk*)

- Vốn khu vực Nhà nước: Nếu năm 2008, vốn khu vực Nhà nước là 1.023,2 tỷ đồng thì đến năm 2009 đạt 1.495,2 tỷ đồng và giảm dần xuống còn 1.090,6 tỷ đồng vào năm 2013.

- Vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước: Nếu năm 2008 nguồn vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.630,9 tỷ đồng thì đến năm 2013 tăng lên 2.240,2 tỷ đồng, tăng 609,3 tỷ đồng so với năm 2008.

- Vốn đầu tư nước ngoài: Giai đoạn 2008 - 2013, toàn tỉnh chỉ có 7 dự án FDI đầu tư vào công nghiệp với tổng số vốn 1.211,1 tỷ đồng, chiếm 5,6% tổng vốn đầu tư.

e. Vốn đầu tư thực hiện

**Bảng 2.17 Vốn đầu tư thực hiện ngành công nghiệp
giai đoạn 2008 - 2013**

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2008 - 2013
Vốn đầu tư đăng ký	2.763,9	4.120,1	3.707,8	3.312,6	3.813,5	3.927,6	21.645,5
Vốn đầu tư thực hiện	1.361,4	1.716,5	1.645,6	1.875,9	2.010,7	2.205,4	10.815,5
Tỷ lệ giải ngân (%)	49,26	41,66	44,38	56,63	52,73	56,15	49,97
Tỷ lệ giải ngân bình quân giai đoạn 2008 - 2013 (%)	50,13						

(Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk*)

Giai đoạn 2008 - 2013, tổng số vốn đầu tư vào ngành công nghiệp đã thực hiện là 10.815,5 tỷ đồng, chiếm 49,97% tổng vốn đầu

tư vào ngành công nghiệp đã đăng ký. Tỷ lệ giải ngân bình quân vốn đầu tư vào ngành công nghiệp cả giai đoạn 2008 - 2013 đạt 50,13%, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn thấp so với các địa phương khác.

Tóm lại: Trong thời gian qua, hoạt động thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đạt được một số thành tựu như sau:

- Đóng góp vào nguồn thu ngân sách.
- Góp phần vào việc phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn.
- Tạo sự chuyển dịch kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp.
- Góp phần tạo ra các KCN, CCN tập trung.
- Giải quyết việc làm cho người lao động.

2.4.2. Những tồn tại trong thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp

- Số dự án thu hút được vẫn còn thấp, hiệu quả không cao.
- Cơ cấu vốn đầu tư trong nước và nước ngoài chưa hợp lý.
- Công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư chưa hiệu quả.
- Các KCN, CCN có tỷ lệ lấp đầy chưa cao.
- Năng lực cạnh tranh còn yếu.

2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại

➤ *Nguyên nhân khách quan*

- Xuất phát điểm về kinh tế của tỉnh thấp.

- Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Ảnh hưởng suy thoái toàn cầu năm 2008.

- Lực lượng kinh tế ngoài quốc doanh có quy mô nhỏ, khả năng tái đầu tư còn hạn chế.

- Thị trường tiêu thụ hàng hóa còn hạn hẹp, sức mua thấp.

➤ *Nguyên nhân chủ quan*

- Môi trường đầu tư, cơ chế và chính sách cải cách thủ tục hành chính vẫn chưa nhất quán, chưa ổn định và thiếu sự thông thoáng.

- Sự phối hợp trong quản lý và đầu tư của các cơ quan chức năng có liên quan còn chông chéo, nặng về hình thức và thủ tục.

- Chưa có một chiến lược xúc tiến đầu tư tổng thể, các dự án kêu gọi đầu tư mới chỉ đưa ra những thông tin rất chung chung.

- Các hoạt động kinh tế chưa chú trọng việc đầu tư chiều sâu.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng rất hạn chế.

- Tầm nhìn trong công tác quy hoạch ngành công nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, phải điều chỉnh thường xuyên.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng lao động, đội ngũ quản lý còn nhiều hạn chế, lao động chưa qua đào tạo còn lớn.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk

a. Mục tiêu phát triển công nghiệp

➤ Mục tiêu chung

Công nghiệp phát triển nhanh và bền vững trở thành động lực thúc đẩy các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, xây dựng, dịch vụ phát triển theo, đưa Đắk Lắk trở thành một tỉnh công nghiệp, cùng cả nước cơ bản đến đích công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2020.

➤ Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người vượt mức 2.700 USD/người (theo giá thực tế) và tỷ trọng công nghiệp – xây dựng trong GDP tỉnh phần đầu đạt khoảng 33%.

b. Định hướng phát triển công nghiệp

Phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp vùng và cả nước.
 Phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiềm năng tài nguyên thiên nhiên.
 Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
 Phục hồi, phát triển làng nghề truyền thống, đa dạng hoá sản phẩm.
 Chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng cho các KCN, CCN.
 Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường.

3.1.2. Quan điểm, định hướng thu hút vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk

a. Quan điểm

- Hướng tới mục tiêu phát triển công nghiệp nhanh và bền vững.
- Theo một cơ cấu hợp lý nhằm huy động tối ưu các nguồn vốn.
- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn đầu tư phát triển.
- Đảm bảo duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng các nguồn vốn.

b. Định hướng

➤ Dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp

Dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011- 2015 khoảng 21 - 22 ngàn tỷ đồng và giai đoạn 2015 - 2020 là 80 - 85 ngàn tỷ đồng.

➤ Những định hướng thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp

- Tập trung phát triển các KCN, CCN đã quy hoạch và hình thành.
- Ưu tiên các dự án công nghiệp sử dụng công nghệ cao.
- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thông thoáng.

- Từng bước mở rộng thị trường vốn.
- Kết hợp phát triển công nghiệp truyền thống và hiện đại.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

3.2.1. Hoàn thiện hoạt động quảng bá hình ảnh công nghiệp

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước như Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch... với nhau.
- Xây dựng hình ảnh công nghiệp địa phương ấn tượng.
- Tổ chức tuyên truyền hình ảnh, thương hiệu thông qua các phương tiện thông tin một cách hiệu quả.

3.2.2. Hoàn thiện hoạt động xúc tiến đầu tư

- Xây dựng bộ hồ sơ đầy đủ đối với các dự án kêu gọi đầu tư.
- Xây dựng các kênh xúc tiến đầu tư hiệu quả.
- Xây dựng cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư hiệu quả.

3.2.3. Hoàn thiện hoạt động hỗ trợ đầu tư

- Rà soát lại các chính sách hỗ trợ công nghiệp hiện hành.
- Xây dựng hệ thống các chính sách ưu đãi đặc thù thông thoáng, hấp dẫn.
- Xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm để đảm bảo thực hiện các ưu đãi vào ngành công nghiệp.
- Nghiên cứu kinh nghiệm về chính sách ưu đãi công nghiệp của các địa phương để xây dựng chính sách ưu đãi của tỉnh mang tính cạnh tranh.

3.2.4. Cải thiện môi trường đầu tư

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện cải cách hành chính.

- Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.

- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo UBND tỉnh, các Sở, ngành... với các nhà đầu tư để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc.

3.2.5. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng

➤ Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Tập trung nguồn lực để phát triển đồng bộ hệ thống giao thông bằng các hình thức như phát hành trái phiếu, BOT...

- Tăng cường kêu gọi hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân bằng các chính sách ưu đãi như: miễn giảm thuế, hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng...

- Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng các KCN, CCN, tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề truyền thống...

➤ Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội

- Rà soát lại kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp và đưa vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

- Có chính sách ưu đãi để kêu gọi các ngân hàng, tổ chức tín dụng.

- Nghiên cứu phát triển các dịch vụ tư vấn dự án, tư vấn pháp luật, thẩm định dự án, thẩm định giá... để đáp ứng nhu cầu nhà đầu tư.

3.2.6. Phát triển nguồn nhân lực

➤ Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức

- Có quy hoạch, kế hoạch tuyển dụng, bố trí sử dụng cán bộ, công chức phù hợp, không để tình trạng thừa về số lượng, thiếu về chất lượng.

- Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức.

- Minh bạch hoá quy trình tuyển dụng, quy định chuẩn trình độ để tuyển dụng được cán bộ, công chức có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

➤ *Nâng cao chất lượng nguồn lao động*

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao tay nghề phù hợp với ngành nghề người lao động đang có lợi thế.

- Quy hoạch cụ thể, xác định nhu cầu đối với lao động chuyên môn có tay nghề để đào tạo những ngành nghề phù hợp, tránh đào tạo tràn lan.

- Có chính sách bồi dưỡng và đào tạo nâng cao đối với người lao động có trình độ năng lực và kiến thức giỏi.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Luận văn đã trình bày một cách khái quát về thực trạng phát triển công nghiệp, về các KCN, CCN của tỉnh Đắk Lắk, quá trình thực hiện các hoạt động thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp, các kết quả thu hút vốn đầu tư, những thành tựu, tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại. Trên cơ sở lý luận và kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp của một số địa phương, luận văn đã đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thu hút vốn đầu tư vào ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong những năm tới.

2. KIẾN NGHỊ

2.1. Đối với Quốc hội

Tiếp tục xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, Luật Tài nguyên, Luật DN, Luật Môi trường và các văn bản liên quan đến đầu tư cho phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mới, nhất là khi nước ta đã tham gia vào tổ chức WTO.

2.2. Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan

- Hàng năm có kế hoạch bổ sung thêm vốn hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng ngành công nghiệp đối với những tỉnh có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển KCN, CCN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong việc đầu tư hạ tầng phát triển các KCN, CCN.

- Có chính sách ưu tiên cho tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung nhằm khai thác các thế mạnh và tiềm năng vốn có của vùng này.

- Cần quy định rõ ràng, chi tiết về công nghệ sử dụng và các căn cứ pháp lý tạo thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ, đưa ra các biện pháp khuyến khích cụ thể cho các nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ vào Việt Nam.

- Tiếp tục hoàn thiện và phân cấp quản lý các KCN, CCN theo hướng gia tăng trách nhiệm của UBND tỉnh và Ban Quản lý KCN nhằm giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết phải qua các Bộ, ngành Trung ương.